

Bản án số 26/2022/HCPT

Ngày 11/02/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 666/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C (tên gọi khác: Hoàng Thị Chát), sinh năm 1936; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Đông Sơn, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. ***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Chủ tịch; ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Duy P, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T,

huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lượng: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Đông Sơn, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3.5. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

3.6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

3.7. Chị Chu Thị Dung, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vững, anh Việt và chị Dung: Chị Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; có mặt..

3.8. Ủy ban nhân dân xã Đông T, huyện Y.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn Sơn, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Vượng, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Liên:* Luật sư Ngô Thế Thêm - Công ty TNHH Doanh Gia, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

5. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Đại và chị Nguyễn Thị Liên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. *Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C trình bày và yêu cầu:*

Bà và ông Nguyễn Văn Hội (chết năm 1997) là vợ chồng và sinh được 03 người con gồm: anh Nguyễn Văn Đại, anh Nguyễn Văn Học, chị Nguyễn Thị L. Năm 1963, địa phương chia cấp cho vợ chồng bà một thửa đất tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng bà đã xây dựng nhà cửa để sinh sống ổn định trên đất, không có tranh chấp với ai,

chưa kê khai đề nghị địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Năm 1997, ông Nguyễn Văn Hội mất không để lại di chúc, tất cả các thành viên trong gia đình xác định quyền sử dụng thửa đất trên giữ nguyên, là tài sản chung của vợ chồng bà vẫn chưa phân chia. Hiện tại thì thửa đất và ngôi nhà trên đất do bà Chát cùng chị Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng. Anh Nguyễn Văn Đại và anh Nguyễn Văn Học đã xây dựng gia đình, có nơi ở riêng, không có liên quan gì đến phần đất mà bà đang quản lý, sử dụng. Sau khi ông Hội chết, anh Đại thường xuyên chửi bới, đuổi bà Chát cùng chị Lượng ra khỏi thửa đất đang sinh sống, quản lý. Đến năm 2015, khi anh Nguyễn Văn Vững (con trai anh Đại) đến xin phép bà Chát cho xây dựng 01 căn nhà ở tạm thời trên một góc thửa đất, bà Chát với ý nghĩ sau khi cho anh Vững xây dựng nhà trên thửa đất trên, thì anh Đại sẽ không gây ra mâu thuẫn trong gia đình nữa. Bà Chát cũng xác định, thửa đất này mặc dù của vợ chồng bà, nhưng cũng xác định sau khi chết sẽ để lại cho con, cho cháu, vì thế bà Chát đã đồng ý cho anh Vững được phép xây dựng nhà ở tạm thời trên một góc thửa đất. Nhưng sau khi anh Vững xây dựng nhà xong, anh Đại vẫn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà Chát, chị Lượng và đuổi hai mẹ con bà ra khỏi nhà. Vừa qua (khoảng tháng 4/2019), anh Đại trong cơn tức giận đã nói rằng, thửa đất này là của anh và đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Y cấp GCNQSDĐ, mang tên Nguyễn Văn Đại thì bà mới được biết. Tất cả các thành viên trong gia đình bà đều vô cùng bức xúc, không ai biết gì, không ai ký kết bất kể loại giấy tờ nào để cho tặng anh Đại. Ngay sau đó, bà Chát cùng chị Lượng làm đơn khẩn cấp đến UBND huyện Y, UBND xã Đông T để yêu cầu thu hồi, hủy GCNQSDĐ đã cấp cho anh Đại. UBND xã Đông T đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Bà khẳng định rằng việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho một mình anh Đại là trái với qui định của pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà cùng các thành viên khác trong gia đình. Nay bà Chát khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Y cấp theo số vào sổ cấp GCN số 00144, ngày 10/01/2001, Quyết định số 530 ngày 28/12/2000, đối với thửa đất diện tích 266,9m² tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y (theo đo đạc năm 2003 là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m²), người sử dụng đất: hộ Nguyễn Văn Đại. Bà Chát không đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế hay tài sản chung của gia đình. Sau này gia đình sẽ tự thỏa thuận giải quyết nội bộ.

Chị Nguyễn Thị L thống nhất với ý kiến của bà Chát, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Chát.

2. Người đại diện của người bị kiện UBND huyện Y trình bày và có quan điểm: Hộ anh Nguyễn Văn Đại được UBND huyện Y, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 266,9m² tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; vào sổ địa chính trong sổ 22 ngày 10/01/2001, căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000; cấp giấy chứng nhận theo hình thức hộ gia đình tự kê khai. Hồ sơ

cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đại lưu trữ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000, đã được trưởng thôn Đông X xác nhận, UBND xã Đông T cho ý kiến xác nhận đủ điều kiện để nghị cấp; họ tên chủ hộ gia đình là Nguyễn Văn Đại, nguồn sử dụng do ông cha để lại. Việc cấp GCN thời điểm này theo diện tập trung nên sổ đã giao hết cho các hộ gia đình, hiện nay UBND huyện Y không lưu giữ sổ đã cấp đối với thửa đất này. UBND huyện Y thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đại đối với thửa đất nêu trên là đúng thẩm quyền quy định tại Mục IV.2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu thu thập được về nguồn gốc đất, hồ sơ cấp GCNQSDĐ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn Đại, chị Nguyễn Thị Liên, anh Nguyễn Văn Việt, anh Nguyễn Văn Vững, chị Chu Thị Dung trình bày: Thửa đất diện tích 266,9m² (nay theo đo đạc mới là 268m²) tại **Đội Ngo**, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn Hội; bà Chát và ông Hội đã cho gia đình anh Đại từ năm 1997, cho từ trước khi ông Hội mất. Đồng thời bà Chát, ông Hội cũng có mảnh đất khác diện tích 384m² tại Cống Đông, nên trước khi ông Hội mất, thì bà Chát, ông Hội cũng cho anh Nguyễn Văn Học thửa đất này. Sau đó, gia đình anh Đại đã làm thủ tục kê khai để được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m² này đã được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ từ năm 2001. Đồng thời, gia đình anh Nguyễn Văn Học cũng được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 384m². Gia đình anh Đại ở trên mảnh đất này từ năm 1991 đến năm 2004, thì chuyển ra sinh sống tại mảnh đất khác của gia đình mua. Việc gia đình anh Đại sử dụng mảnh đất này là công khai, ổn định, không hề có tranh chấp với bất kỳ ai. Việc gia đình được UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này là hoàn toàn công khai, cả gia đình đều được biết. Hằng năm, gia đình anh Đại vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất đầy đủ đối với thửa đất này. Năm 2015, vợ chồng anh Đại cho con trai Nguyễn Văn Vững một phần mảnh đất này, anh Vững đã làm nhà cấp 4 lợp mái tôn trên xây nhà trên một phần mảnh đất này. Khi anh Vững làm nhà trên đất, không ai trong gia đình có ý kiến gì, hiện nay anh Vững vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 này. Nay gia đình anh Đại không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Chát; đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Chát. Hiện nay gia đình không giữ GCNQSDĐ, nên không cung cấp cho Tòa án được.

3.2. Anh Nguyễn Văn Học trình bày: Thửa đất này có nguồn gốc là của bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Hội, bà Nguyễn Thị C; ông Hội mất không để lại di chúc. Sau này, bà Chát đã cho anh Nguyễn Văn Đại thửa đất này; bản thân anh cũng đồng ý việc cho, vì anh Đại là con trưởng. Nay xác định thửa đất này là của anh Đại, không có liên quan gì. Đồng thời, việc bà Chát yêu cầu hủy GCNQSDĐ của anh Đại thì anh không đồng ý, đề nghị không chấp nhận việc

khởi kiện của bà Chát.

3.3. *Đại diện UBND xã Đông T trình bày:* Bản chất sự việc này là do chị Lượng bỏ chồng về ở cùng với bà Chát. Chị Lượng sau khi bỏ chồng về, do không có đất ở nên bà Chát muốn cho chị Lượng thừa đất này nhưng anh Đại không đồng ý và đuổi bà Chát, chị Lượng ra khỏi nhà nên mới xảy ra sự việc tranh chấp này. Nguồn gốc thửa đất này là do ông cha để lại cho bà Chát và ông Hội. Thời điểm cấp GCNQSDĐ, ông Hội đã mất; việc kê khai cấp GCNQSDĐ theo hình thức tập trung, do gia đình tự kê khai. Khi đó, bà Chát đang ở với anh Đại, nên anh Đại kê khai cấp sổ. Nay hoàn cảnh của bà Chát và chị Lượng hết sức khó khăn. Chị Lượng là hộ nghèo; bà Chát là người già; chị Lượng bị ung thư nuôi con đơn thân nên rất cần thiết có chỗ ở ổn định. UBND xã Đông T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, hợp tình hợp lý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, đã quyết định: Căn cứ Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 358, Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y cấp đối với thửa đất diện tích 266,9m² tại thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y (theo đo đạc năm 2003 là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m²), người sử dụng đất: hộ ông Nguyễn Văn Đại. Thửa đất được dựa vào sổ địa chính trong sổ 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000. UBND huyện Y thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 và 08/10/2020, chị Nguyễn Thị Liên và anh Nguyễn Văn Đại kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Chị Nguyễn Thị Liên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Liên xác định do anh Đại do bị bệnh không đi đến phiên tòa được nên đã ủy quyền cho chị Liên trình bày giữ nguyên kháng cáo. Anh Nguyễn Văn Việt ủy quyền cho chị Liên trình bày tại phiên tòa. Quan điểm của chị Liên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Ngô Thế Thêm đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm cả luật hình thức và luật nội dung.

Người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Phiên tòa được mở lần thứ hai, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người khởi kiện, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, anh Đại vắng mặt do bị bệnh không đi được nhưng đã có mặt chị Liên là vợ trình bày tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai, vì vậy, đề nghị xét xử vắng các đương sự theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo, kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đại, chị Nguyễn Thị Liên và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Anh Đại vắng mặt do bị bệnh, chị Liên là vợ trình bày anh Đại không thể đi đến phiên tòa được, chị Liên là người trình bày thay anh Đại tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định. Đối với quan điểm của Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền khởi kiện: Giữa năm 2019, bà Nguyễn Thị C phát hiện thửa đất diện tích 266,9m² (nay theo đo đạc mới là 268m²) tại **Đội Ngo**, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của vợ chồng giữa bà Chắt và ông Nguyễn Văn Hội (chết năm 1997) chưa được phân chia thừa kế và cũng không cho ai, nhưng UBND huyện Y đã cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đại đối với thửa đất nêu trên. Ngay sau đó, bà Chắt đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã Đông T, xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. **Ngày 05/01/2020**, bà Chắt khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên anh Nguyễn Văn Đại. Xét thấy, bà Chắt không phải là đối tượng được nhận GCNQSDĐ nên không được giao và xác định đến tháng 4/2019, bà mới biết thửa đất trên được cấp GCNQSDĐ; chị Liên xác định địa phương giao GCNQSDĐ cho anh Đại sau đó đã đưa lại cho bà Chắt, nhưng bà Chắt không công nhận việc này. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động

quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là kể từ ngày bà Chát biết được quyết định. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh căn cứ tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, người bị kiện cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất diện tích 266,9m² ngày 15/12/2000, được Trưởng thôn Đông X xác nhận, UBND xã Đông T cho ý kiến xác nhận đủ điều kiện đề nghị cấp; ngoài ra không còn giấy tờ gì khác. Đối với GCNQSDĐ đã được cấp, hiện nay không bên đương sự nào còn lưu trữ, nên không thể hiện được số GCNQSDĐ, không thể hiện được ngày tháng năm cấp GCNQSDĐ. Tất cả các bên đương sự đều xác nhận, thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn Đại; căn cứ thể hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn Đại được dựa vào sổ địa chính trang số 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào số Quyết định số 530 ngày 28/12/2000; cấp GCN theo hình thức hộ gia đình tự kê khai. Theo đo đạc bản đồ địa chính năm 2003, thửa đất trên được xác định là thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 268m². Bà Chát khởi kiện hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 268m² theo đo đạc năm 2003, vẫn là cùng vị trí thửa đất. Vì vậy, việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m² tại Đội Ngo, thôn Đông X, xã Đông T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh là phù hợp quy định tại Điều 24, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Thông tư số 346 ngày 16/3/1998 và Quyết định số 499 ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính.

[4]. Về căn cứ ban hành quyết định bị khởi kiện: Căn cứ lời khai của bà Chát, chị Lượng, anh Đại, anh Học cũng như chị Liên đều thừa nhận thửa đất diện tích 266,9m² (nay theo đo đạc mới năm 2003 diện tích là 268m²) tại thôn Đông X, xã Đông T có nguồn gốc là của vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn Hội. Theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và 2000, đây là tài sản chung của vợ chồng bà Chát và ông Hội, mỗi người có quyền được hưởng ½ khối tài sản chung của vợ chồng. Năm 1997, ông Nguyễn Văn Hội chết không để lại di chúc. Giữa ông Hội và bà Chát sinh được ba con là chị Lượng, anh Đại và anh Học, nên ½ tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng là di sản thừa kế của ông Hội, những người được hưởng gồm bà Chát, chị Lượng, anh Đại và anh Học. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định, trước khi chết ông Hội không để lại di chúc bằng văn bản, giữa bà Chát và các con ông Hội không có biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, hoặc phân chia di sản thừa kế của ông Hội theo quy định của pháp luật. Bà Chát, chị Lượng xác định chưa có việc phân chia tài sản chung. Bà Chát chưa cho ai và hiện nay vẫn đang

trực tiếp quản lý sử dụng. Anh Đại, chị Liên, anh Học xác định trước khi chết, năm 1997 ông Hội di chúc bằng miệng cho anh Đại diện tích 266,9m², có sự chứng kiến của bà Chát và chị Lượng, anh Đại và anh Học nhưng không có bất cứ căn cứ gì chứng minh, đồng thời ông Hội không có quyền định đoạt toàn bộ khối tài sản chung vợ chồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995, thì người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng, ngay sau đó những người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ, mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc. Mặt khác, thời điểm năm 2000, khi đề nghị cấp GCNQSDĐ, tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000, anh Nguyễn Văn Đại kê khai thửa đất này có nguồn gốc là do ông cha để lại. Trong khi đó, bà Chát, chị Lượng, anh Học không có bất cứ quan điểm, ý kiến gì thể hiện ý chí đã chuyển quyền cho, hoặc chuyển nhượng, phân chia khối tài sản chung, cũng như quan điểm đồng ý cho anh Nguyễn Văn Đại được làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất diện tích 266,9m² này. Tại thời điểm kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ năm 2000, mặc dù bà Nguyễn Thị C có tên trong hộ khẩu của gia đình ông Nguyễn Văn Đại, tuy nhiên việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đại vẫn ảnh hưởng đến quyền lợi và quyền định đoạt của các đồng thừa kế khác là ông Học và bà Lượng. Mặt khác, căn cứ thể hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đại được dựa vào sổ địa chính trang số 22 ngày 10/01/2001; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00144; căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 530 ngày 28/12/2000. Tuy nhiên, qua xem xét đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/12/2000 của ông Nguyễn Văn Đại, thì đến ngày 20/4/2001 mới được UBND xã Đông T xác nhận đủ điều kiện cấp giấy. Do vậy, việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Nguyễn Văn Đại đối với thửa đất diện tích 266,9m² (nay theo đo đạc mới năm 2003 diện tích là 268m²) tại thôn Đông X, xã Đông T mặc dù về thẩm quyền cấp là phù hợp, nhưng việc xác minh, xác nhận của chính quyền địa phương không chặt chẽ, dẫn tới việc UBND huyện Y đã cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Đại là sai đối tượng, không phù hợp quy định Bộ luật Dân sự năm 1995; Luật Đất đai năm 1993; Luật Hôn nhân và gia đình 1986 và 2000, gây ảnh hưởng đến quyền tự định đoạt của bà Chát, quyền lợi hợp pháp cho những người được hưởng quyền thừa kế của ông Nguyễn Văn Hội. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, hủy GCNQSDĐ mang tên hộ anh Nguyễn Văn Đại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đại và chị Nguyễn Thị Liên: Xét thấy, việc anh Đại và chị Liên xác định trước khi ông Hội chết đã di chúc cho là không có căn cứ, nên cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đại là không phù hợp quy định của pháp luật, như đã nhận định tại Mục [4]. Do vậy, kháng cáo của anh Đại và chị Liên không được có cơ sở. Đối với quan điểm của luật sư bảo vệ quyền

lợi cho chị Liên, xét thấy, các căn cứ, lập luận của luật sư tại phiên tòa không có cơ sở, nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đại, chị Nguyễn Thị Liên và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đại và chị Nguyễn Thị Liên kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đại và chị Nguyễn Thị Liên.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đại và chị Nguyễn Thị Liên mỗi người phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Liên và anh Đại đã nộp tại Biên lai số 0004697 ngày 12/10/2020 và Biên lai số 0004699 ngày 13/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Liên và anh Đại đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu HS; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Đình Lực